

Dàn ý chi tiết phân tích nhân vật ông Hai

A- Mở bài

- Kim Lân thuộc lớp các nhà văn đã thành danh từ trước Cách mạng Tháng 8 – 1945 với những truyện ngắn nổi tiếng về vẻ đẹp văn hoá xứ Kinh Bắc. Ông gắn bó với thôn quê, từ lâu đã am hiểu người nông dân. Đi kháng chiến, ông tha thiết muốn thể hiện tinh thần kháng chiến của người nông dân
- Truyện ngắn Làng được viết và in năm 1948, trên số đầu tiên của tạp chí Văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc. Truyện nhanh chóng được khẳng định vì nó thể hiện thành công một tình cảm lớn lao của dân tộc, tình yêu nước, thông qua một con người cụ thể, người nông dân với bản chất truyền thống cùng những chuyển biến mới trong tình cảm của họ vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B- Thân bài

1. Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc, tình cảm quê hương đất nước. Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.
2. Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai. Ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng ông mới có.
 - a. Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thống trong ông Hai.
 - Ông hay khoe làng, đó là niềm tự hào sâu sắc về làng quê.
 - Cái làng đó với người nông dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần.
 - b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.

- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, về việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí "đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá..."; rồi ông lo "cái chòi gác,... những đường hầm bí mật,..." đã xong chưa?

- Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích bình luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi "Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà thắng Tây không bước sớm".

c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.

- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sửng sò, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gằm mặt xuống mà đi.

- Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó "cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi". Ông giận những người ở lại làng, nhưng điếm mặt từng người thì lại không tin họ "đổ đốn" ra thế. Nhưng cái tâm lí "không có lửa làm sao có khói", lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.

- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.

- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù". Nói cứng như vậy nhưng thực lòng đau như cắt.

- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chúi nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Thực chất đó là lời thanh minh với cụ Hồ, với anh em đồng chí và tự nhủ mình trong những lúc thử thách căng thẳng này:

+ Đứa con ông bé tí mà cũng biết giơ tay thề: "Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!" nữa là ông, bố của nó.

+ Ông mong "Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông".

+ Qua đó, ta thấy rõ:

Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu truyền thống (chứ không phải cái làng đổ đốn theo giặc).

Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng : có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí trĩu nặng được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí "Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước" của người nông dân lao động bình thường.

- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.

- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

C- Kết bài:

- Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.

- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 1

Hình ảnh người nông dân từ lâu đã đi vào nền văn học dân tộc, nó trở thành đề tài, khơi nguồn cảm hứng cho biết bao người nghệ sĩ. Nếu như trước cách mạng tháng tám, ta bắt gặp hình ảnh chị Dậu quần quanh trong cái đói, cái nghèo qua truyện ngắn "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố; hình ảnh Chí Phèo tha hóa, biến chất từ người lương thiện trở thành thằng côn đồ, lưu manh, con quỷ dữ của làng Vũ Đại trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao ... thì sau cách mạng, nhà văn Kim Lân cũng góp một hình ảnh người nông dân vào trong đề tài ấy với thiên truyện ngắn mang tên: "Làng" (1948). Thế nhưng, Kim Lân không khai thác cái nghèo, cái đói, sự tha hóa về nhân tính, nhân hình của họ giống như các nhà văn trước đó, mà ông lại đi vào diễn tả sự hòa quyện giữa tình yêu làng và tình yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân. Điều đó, được Kim Lân thể hiện rất thành công qua hình tượng nhân vật ông Hai, để rồi từ đó ông Hai trở thành bức tượng đài biểu tượng cho người nông dân trong thời đại mới – thời đại cách mạng và kháng chiến.

Trước hết, ông Hai hiện lên là một người nông dân yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương, bản quán, nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tình cảm đó, được thể hiện ở cái tính thích khoe về làng, hãnh diện về làng của ông. Đi đến đâu, ông cũng khoe với mọi người, làng ông giàu đẹp, làng ông có truyền thống cách mạng. Vì thế, mỗi lần kể về làng, ông kể với một thái độ say mê, khuôn mặt biến chuyển, đôi mắt thì háo hức, ông có thể nói với bất cứ ai về cái đề tài vô tận đó. Kể cả khi ông nói, người nghe có muốn nghe hay không, ông cũng mặc kệ, bất chấp cứ say sưa mà nói. Vậy mà giờ đây, ông Hai lại phải xa quê, xa làng, đưa cả gia đình đi tản cư theo lệnh. "Ông nằm vật trên giường, bắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến cái ngày làm việc cùng anh em...", ông nhớ tới cái ngày tháng cùng bạn bè, anh em trong làng, trong xóm đào hào, đắp ụ, công việc bộn bề, mãi mê làm, ông "chẳng còn kịp nghĩ gì đến vợ con nhà cửa nữa"... Và đằng sau cái nỗi nhớ ấy, người đọc thấy được sự gắn bó thiết tha cùng tình cảm yêu mến chân thành của ông Hai với xóm, với làng. Tình cảm ấy, thật khiến chúng ta nhớ tới câu ca dao xưa:

Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương

Nhớ ai dãi nắng dầm sương

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

Và, ở ông Hai cũng vậy, tất cả mọi thứ gắn liền với làng Chợ Dầu, ông đều khắc ghi, đều nhớ ở trong tận đáy lòng: "Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá". Và càng nhớ, ông lại càng muốn tìm hiểu, muốn nghe ngóng về tình hình của làng. Vì vậy, ngày nào cũng thế, ở nơi tản cư, cứ mỗi sáng việc làm đầu tiên là ông vào phòng thông tin mà nghe, mà đọc báo, hi vọng sẽ biết chút ít về làng, về kháng chiến. Cho nên khi biết được toàn những tin tốt lành về cách mạng, "ruột gan ông cứ múa cả lên, vui quá!"... Như vậy, đến đây chúng ta thấy được nỗi nhớ quê hương da diết, cháy bỏng của nhân vật ông Hai và ông luôn dõi theo từng bước đi của cách mạng, của kháng chiến. Đó là nét tâm lí điển hình, thường thấy và vốn có của người

nông dân đối với làng quê, đất nước, niềm mong mỏi được trở về làng, trở về nơi quê cha đất tổ cũng đồng nghĩa với niềm mong mỏi tổ quốc sạch bóng ngoại xâm.

Nhưng có một sự kiện bất ngờ đã xảy ra với ông, từ phòng thông tin bước ra đang rất phấn khởi, náo nức vì những tin vui của kháng chiến, gặp người tản cư, nghe họ nhắc tới tên làng, ông Hai quay phát lại, lắp bắp hỏi, hi vọng được nghe những tin tốt lành về làng, nào ngờ lại hay tin: cả làng chợ Dầu theo giặc. Trước tin dữ ấy, ông Hai sững sờ chết lặng “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được”. Từ niềm vui, niềm tin hi vọng, ông Hai rơi xuống vực thăm đau buồn, xót xa, tuyệt vọng. Ông cố gắng trấn tĩnh bản thân và tìm cách lảng ra về, muốn che giấu đi tâm trạng ấy nhưng nỗi tủi hổ, bế bàng, lo lắng khiến ông “cúi gằm mặt mà đi”, còn văng vẳng tiếng chửi “giống Việt gian bán nước”.

Khi về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, rồi tủi thân khi nhìn đàn con nhỏ: “nước mắt ông lão cứ giàn ra”. Những dòng độc thoại nội tâm trong ông thể hiện nỗi day dứt, đau đớn: “Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?...”. Ông căm giận lũ người theo giặc, phản bội làng nước, ông lão nắm chặt hai tay mà rít lên: “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”. Nhưng sau đó, ông lại cảm thấy “ngờ ngợ” như lời của mình không được đúng lắm. Niềm tin và nỗi thất vọng đang giằng xé trong ông. “Ông kiểm điểm từng người trong óc” thấy họ đều là những người có tinh thần kháng chiến, một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy được. Trong hoàn cảnh giặc giả thì tinh thần yêu nước, tinh thần kháng chiến là một thứ tình cảm thiêng liêng, cao đẹp; còn phản bội là điều xấu xa ô nhục nhất. Vì thế từ khi nghe tin làng mình theo giặc, nó đã trở thành nỗi ám ảnh, day dứt trong tâm trí của ông, khiến ông ba bốn hôm nay không dám bước chân ra đến ngoài. Suốt ngày chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng binh tình. “Một đám đông túm lại ông cũng để ý, dăm bảy tiếng nói xa xa ông cũng chột dạ”, lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng người ta đang để ý, đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”; cứ thoáng nghe những tiếng Tây, cam không, Việt gian là ông lại lùi thối ra một góc nhà nín thít... “Thôi lại chuyện ấy rồi!”.

Ông luôn thu mình lại, cảm thấy xấu hổ, đau xót và dường như cảm thấy chính mình cũng có tội vậy. Ông rơi vào tình trạng tuyệt vọng khi mà bà chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông đi vì “nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này, không cho ở nữa”. Ông Hai không biết đi đâu, cũng không thể quay lại trở về làng vì về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ, “về làng tức là chụy quay lại làm nô lệ cho thằng Tây”. Trong ông Hai diễn ra cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt và dứt khoát lựa chọn theo cách của mình “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Tình yêu nước đã bao trùm lên tình yêu làng. Song ông không thể vứt bỏ tình yêu làng nên ông Hai càng đau xót, tủi hổ. Trong tâm trạng bị dồn nén, không biết giải tỏa như thế nào, ông Hai chỉ còn biết trút lòng mình với đứa con nhỏ. Cuộc đối thoại giữa ông và đứa con trai đã bộc lộ thật cảm động tấm lòng gắn bó sâu sắc với làng quê, với đất nước và với kháng chiến của ông Hai. Ông nói với con mà như tự nói với chính mình, tự mình oan, tự chiêu tuyết cho mình. Đoạn thoại, vừa chất chứa nỗi đau đớn, xót xa, lại vừa thể hiện tấm lòng thủy chung, son sắt với kháng chiến, với cách mạng, với cụ Hồ.

Có lẽ, nếu không nhận được tin cải chính thì cả đời ông Hai sẽ chết dần, chết mòn trong nỗi đau đớn, tủi hổ, bế bång về cái làng của mình mất. Nhưng sau đó, chính quyền làng ông đã lên cải chính cái tin làng chợ Dầu theo giặc. Nhận được tin, ông Hai như sống lại, niềm vui tràn ngập trong ông: quần áo chỉnh tề, mặt tươi vui, rạng rỡ hẳn lên, mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy, nói bô bô, mua quà cho các con.... Đặc biệt là hành động ông chạy đi khoe với tất cả mọi người cái tin vui ấy. Niềm vui sướng, hạnh phúc dâng trào khiến ông cứ múa tay lên mà khoe. Và lạ thay, câu đầu tiên ông khoe không phải là việc làng ông không theo giặc mà là “Tây nó đốt nhà tôi rồi... đốt nhẵn!”. Với người nông dân, căn nhà là cả cơ nghiệp của họ mà cả đời họ làm lụng vất vả mới có được. Nhưng ông Hai không hề tiếc căn nhà của mình bởi nó là minh chứng khẳng định làng ông không theo giặc và trên hết là nó như là sự “đóng góp” của gia đình ông với kháng chiến. Điều đó, một lần nữa càng khẳng định rõ ràng hơn tình yêu làng, tình yêu nước và sự trung thành với kháng chiến ở ông Hai.

Đến đây, chúng ta thấy được sức sáng tạo độc đáo của Kim Lân trong nghệ thuật tạo tình huống, thực sự gay cấn, kịch tính với những thử thách của nội tâm nhân vật, từ đó bộc lộ chiều sâu đời sống bên trong, tình cảm, tư tưởng của nhân vật. Tác giả đã miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, tinh tế, rất cụ thể, gợi cảm qua thế giới nội tâm với các ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ. Đặc biệt, nhà văn đã diễn tả rất đúng, rất ấn tượng về sự ám ảnh day dứt trong tâm trạng nhân vật. Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc con người và những nét tâm lí vốn có của người nông dân Việt Nam sau lũy tre làng.

Quả đúng như nhà văn Ra – xun Gam – za – tôp đã từng nói: "Người ta chỉ có thể tách con người ra khỏi quê hương, chứ không thể tách quê hương ra khỏi con người"; có nghĩa là con người có thể rời xa quê hương về mặt khoảng không vũ trụ, địa lí nhưng trong sâu thẳm trái tim, tâm hồn mỗi người, quê hương vẫn luôn tồn tại. Điều đó thật đúng với nhân vật ông Hai, một người nông dân xa làng đi tản cư nhưng luôn đau đáu một nỗi nhớ làng, yêu nước. Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấy được tài năng khắc họa hình tượng nhân vật của nhà văn Kim Lân, thật độc đáo, thật sống động, mang đậm yếu tố thời đại kháng chiến cách mạng: lòng yêu làng, yêu nước, trung thành với kháng chiến, với dân tộc. Ông Hai trở thành bức tượng bài bất tử, biểu tượng cho người nông dân Việt Nam trong cuộc trường kì của cách mạng dân tộc.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 2

Nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân đã để lại cho người đọc những ấn tượng sâu sắc. Đó là người nông dân có tình yêu làng và yêu nước sâu sắc, hai tình yêu này hòa quyện với nhau tạo nên dấu ấn khó phai về nhân vật.

Tình yêu làng của ông Hai được thể hiện ở mọi lúc, mọi nơi, nó ngấm vào máu thịt trong ông. Tình yêu ấy có thể chia làm ba chặng chính: tình yêu làng khi ông Hai ở làng tản cư; tình yêu làng, yêu nước khi ông Hai nghe tin làng mình theo Việt gian; tình yêu làng, yêu nước khi ông nghe tin cải chính.

Trước hết, tình yêu làng của ông Hai khi ở làng tản cư. Ở nơi tản cư, ông Hai nhớ làng da diết, tâm trí ông luôn hướng về những ngày hoạt động kháng chiến, những ngày đào ụ, xẻ hào để giữ làng cùng anh em, đồng đội. Giữa những thay đổi của hoàn cảnh hiện tại, phải tản cư đi nơi khác, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng mỗi khi nhớ về làng quê yêu dấu lại tiếp thêm cho ông động lực, làm dịu đi trong ông những tủi cực của một kẻ tha hương. Có thể thấy ở ông Hai, tình yêu làng gắn bó mật thiết, bền chặt với tình cảm kháng chiến. Nỗi nhớ ngập tràn và lòng khao khát, mong muốn trở lại làng để được tham gia kháng chiến dồn nén mạnh mẽ đến mức ông bật thành lời: Chao ôi ! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá !. Ông Hai hàng ngày đều đến phòng thông tin, một mặt để dõi theo từng bước đi của cuộc kháng chiến, nhưng sâu xa hơn, ông đến vì mong mỗi khoảnh khắc nào đó ông có thể nghe được tin tức về làng chợ Dầu. Khi nghe những thông tin quân ta thắng lòng ông phấn chấn, hỉ hả ruột gan ông lão như múa lên. Vui quá. Niềm vui đi liền với niềm tin vào một ngày cách mạng thắng lợi, ông sẽ được trở về ngôi làng yên bình của mình.

Tình yêu làng còn được thể hiện một cách sâu sắc khi ông nghe tin làng theo Tây. Trong lúc ông Hai đang sống trong cảm xúc vui sướng thì tim ông như vỡ vụn khi nghe tin cả làng chợ Dầu Việt gian theo Tây. Chính trong hoàn cảnh thử thách éo le này tình yêu làng mà cao hơn là tình yêu nước trong ông được bộc lộ một cách sâu sắc. Ông vô cùng bàng hoàng, bất ngờ, nỗi xúc động tột cùng dâng trào, gương mặt cổ tỏ ra bình tĩnh nhưng không thể nào nén lại nỗi đau đang lan dần trên khuôn mặt ông: cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, lặng đi, tưởng như không thở được Đó quả thực là một tin trời giáng đối với ông Hai, ông không thể tin và không muốn tin đó là sự thật. Nhưng lời của người đàn bà quả quyết quá, bằng cứ rõ ràng quá khiến ông đành phải tin cái sự thật khủng khiếp ấy. Những lời nói của những người tản cư như con dao cứa vào trái tim ông. Ông cúi gằm mặt mà đi, đau đớn, tủi nhục đến tột cùng. Danh dự, lòng tự trọng mà lớn hơn là điều gì đó vô cùng thiêng liêng trong lòng ông đã sụp đổ.

Về đến nhà, ông nằm vật ra đường, nhìn những đứa con ông lại càng thương chúng hơn: chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta r

rúng hắt hủi đầy ư, uất hận ông rít lên trong đau đớn chúng bay miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này, ông căm ghét, khinh bỉ đến tột cùng. Trò chuyện với vợ trong gian nhà nhỏ, thái độ của ông vừa bức bối, vừa đau đớn, đâm ra ông gắt gỏng vô cớ với vợ. Những ngày này ông chỉ ở nhà, không dám đi đâu. Trong hoàn cảnh đó ông và cả gia đình còn bị chủ nhà khó tính đuổi khéo đi. Điều đó làm ông Hai trở nên bế tắc tuyệt vọng hơn bao giờ hết. Chính giây phút tuyệt vọng đấy ông đã nghĩ hay là về làng. Nhưng lập tức trong ông diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt: về làng tức là rời bỏ kháng chiến, đầu hàng Tây,... Đến đây tình cảm cách mạng và lòng yêu nước đã thực sự hòa quyện trong ông. Tình yêu làng của ông giờ đây gắn liền với tình yêu nước, với kháng chiến và được thể hiện rõ nét trong cuộc đối thoại với đứa con út. Lời khẳng định dứt khoát, kiên định: Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm, là tiếng lòng trung thành với Bác Hồ, với Đảng và với đất nước. Hơn hết, dù đau đớn nhưng ông vẫn tin rằng anh em đồng chí biết cho bố con ông, cụ Hồ trên đầu, trên cổ soi xét cho bố con ông. Sự trung thành của ông với lãnh tụ, với kháng chiến cũng là lòng trung thành của triệu người dân Việt Nam với Đảng với cách mạng.

Tình yêu làng của ông Hai một lần nữa được thể hiện rõ nét trong đoạn cuối tác phẩm khi ông Hai nghe tin cải chính, làng chợ Dầu không theo Tây. Mới đến ngõ, chưa vào nhà ông đã bô bô, rồi lật đật chạy sang nhà bác Thứ, đi hết nơi này đến nơi khác để khoe, vừa đi ông vừa múa lên. Niềm vui ấy đến mức dù nhà mình bị đốt cháy ông cũng chẳng hề lưu tâm. Chi tiết này khiến người đọc càng cảm động hơn, trân trọng hơn tình yêu làng, yêu tổ quốc, yêu kháng chiến của ông Hai.

Nhân vật ông Hai được khắc họa chủ yếu qua ngôn ngữ và diễn biến tâm trạng. Ngôn ngữ nhân vật giản dị, chân thật, giàu cảm xúc. Diễn biến tâm trạng được bộc lộ trực tiếp qua những cảm xúc, suy nghĩ và thông qua cả cử chỉ, điệu bộ, dáng vẻ. Đồng thời quá trình vận động tâm lí cũng hết sức hợp lí từ nhớ nhung, mong mỏi đến bất ngờ, bàng hoàng, chìm trong tủi nhục, đau khổ và cuối cùng là niềm vui mừng vỡ òa, hạnh phúc tột cùng.

Bằng lối văn chân thực, giàu cảm xúc Kim Lân đã thành công trong việc xây dựng nhân vật ông Hai. Nhân vật mang trong mình tình yêu làng, yêu nước nồng nàn, tha thiết. Lòng yêu nước bao trùm và chi phối tình yêu làng – đây là bước chuyển biến mới trong tư tưởng nhận thức của những người nông dân sau cách mạng.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 3

Truyện ngắn Làng của Kim Lân đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên về nhân vật ông Hai, một nông dân yêu mến, gắn bó với quê hương bằng một tình cảm thiết tha, sâu nặng.

Ông Hai có một tình yêu làng quê thật mãnh liệt. Mỗi khi nói đến cái làng Chợ Dầu quê ông nổi tiếng khắp vùng Kinh Bắc, ông đều kể bằng giọng say mê náo nức lạ thường. Nào là làng mình nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh; nào là đường làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi từ đầu làng đến cuối làng không hề lấm gót, ngày mùa phơi thóc phơi rơm thì tốt thượng hạng... Yêu mến, hãnh diện về làng mình, nên ông Hai mắc tật hay khoe. Theo ông thì cái gì của làng Chợ Dầu quê ông cũng hơn hẳn thiên hạ.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, cuộc sống của gia đình ông Hai có nhiều thay đổi, duy niềm tự hào về làng Chợ Dầu dường như vẫn y nguyên. Ở nơi tản cư, ông hay kể cho mọi người nghe về làng mình với những hố, những ụ chống càn, những giao thông hào chằng chịt như mạng nhện, những cụ phụ lão râu tóc bạc phơ vẫn tập đi một, hai, một, hai... Làng ông có chòi phát thanh cao nhất vùng, có nhà thông tin rộng rãi sáng sủa nhất vùng... Ông Hai rất kiêu hãnh về phong trào kháng chiến sôi nổi của làng Chợ Dầu. Ông đã tích cực cùng mọi người đào đường đắp lũy, rào làng kháng chiến, góp phần vào những thành tích đáng tự hào của quê hương.

Tình yêu làng của ông Hai được thể hiện một cách cảm động trong những ngày buộc phải tản cư. Mọi niềm vui, nỗi khổ của ông gắn liền với vận mệnh của làng Chợ Dầu kháng chiến. Nghe tin đồn dân làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây, ông Hai vô cùng đau khổ: Cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân, ông lão lặng đi tưởng như không thở được.

Ông cảm thấy đau đớn vì làng Chợ Dầu yêu quý của ông đã rời bỏ Cách mạng. Không chịu nổi sự nhục nhã, ông vờ đứng lảng ra chỗ khác rồi cúi gằm mặt xuống mà đi. Về đến nhà, ông nằm vật ra giường, nước mắt cứ dần ra. Đau đớn, xấu hổ, ông Hai lúc nào cũng nơm nớp lo sợ người ta để ý, bàn tán về dân làng Chợ Dầu theo giặc. Có lúc uất quá, ông nắm chặt tay, nghiến răng nguyên rủa: Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này! Có lẽ đây là lần đầu tiên ông Hai oán giận làng mình. Không thể san sẻ với người ngoài, ông chỉ còn biết tâm sự với những đứa con cho vơi nỗi đau.

Nhưng rồi nỗi đau khổ, nhục nhã đã được thay thế bằng niềm vui sướng, hân hoan. Ông Hai báo với mọi người cái tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt: Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn... cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả! Ông Hai mừng rỡ vì dân làng Chợ Dầu vẫn trung thành với kháng chiến. Làng Chợ Dầu vẫn xứng đáng với niềm tự hào của ông Hai. Không nén nổi cảm xúc, ông Hai múa tay lên mà khoe. Mọi nỗi khổ, niềm vui của ông không bó hẹp trong sự bình yên của bản thân và gia đình mà tất cả đều vì làng Chợ Dầu quê hương ông.

Mỗi người Việt Nam đều yêu thương, gắn bó với quê hương mình. Đó là nơi tổ tiên ông cha sinh cơ lập nghiệp đã bao đời. Đó là nơi chôn rau cắt rốn, nơi có những người thân yêu đang cần cù làm lụng một nắng hai sương. Vì vậy, lòng yêu mến làng quê đã trở thành tình cảm truyền thống của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là người nông dân Việt Nam. Yêu làng cũng là yêu nước. Ông Hai đã buồn vui, sướng khổ, đã kiêu hãnh, tự hào vì làng Chợ Dầu quê hương ông. Đó chính là vẻ đẹp mới trong tâm hồn người nông dân thời kháng chiến chống Pháp đã được nhà văn Kim Lân khám phá và thể hiện.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 4

Nếu như trước Cách mạng Tháng Tám, Ngô Tất Tố mang tới một chị Dậu với sức sống mãnh liệt của người nông dân, Nam Cao mang tới một Lão Hạc đầy lòng tự trọng và tình yêu thương con vô bờ bến,... thì sau Cách mạng Tháng Tám, Kim Lân – nhà văn nông dân – mang tới cho bạn đọc hình ảnh người nông dân thời kì đổi

mới. Đó chính là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” với tình yêu làng quê và lòng yêu nước sâu đậm, tha thiết.

Sinh ra và lớn lên nơi làng quê Việt Nam, giữa những người nông dân chất phác, nhà văn Kim Lân đã sớm gắn bó và am hiểu sâu sắc về cuộc sống ở nông thôn, sáng tác nhiều tác phẩm về đề tài này. Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi người dân miền Bắc được lệnh tản cư, ông lại một lần nữa khắc họa hình ảnh người nông dân trong truyện ngắn “Làng”, không phải trong những vấn đề thường nhật, mà về tình yêu làng quê và đất nước của những con người chân lấm tay bùn ấy. Tác phẩm được đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948, đánh dấu bước chuyển biến tích cực trong hình tượng người nông dân và nhân thức của họ, đặc biệt qua nhân vật ông Hai.

Nét tính cách đầu tiên và dễ nhận thấy nhất ở ông Hai là tình yêu tha thiết đối với làng ông. Đối với người nông dân, làng không chỉ là một đơn vị hành chính, địa lí. Ở đó chứa đựng cuộc sống của họ, tất cả những gì gần gũi và thân thuộc với họ. Làng chính là quê hương, là cuộc đời họ. Ông Hai cũng vậy, ông có tính hay khoe làng với tất cả niềm hãnh diện. “Ông nói về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai mắt ông sáng hẳn lên, khuôn mặt biến chuyển hoạt động.” Tình yêu làng đã biến ông Hai thành một con người hoàn toàn khác so với một ông Hai bị gò bó, tù túng trong căn bếp tản cư. Một nguồn sinh lực mới như dồi dào trong ông lúc đó. Tối này đến tối khác, ông nói đi nói lại về cái làng của ông.

Kim Lân điểm nhịp câu chuyện bằng những lời trách móc ông hàng xóm nhặng ý không nghe chuyện, nhưng kỳ thực là để cho ta thấy rằng ông Hai không thực sự cần bác Thứ nghe, ông nói cho chính mình, nói để cho sướng miệng và cũng để thỏa nỗi nhớ làng. “Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. [...] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.” Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản. Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được. Hình ảnh đó hoàn

toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư. Thế nhưng đó cũng chỉ là hồi ức, một hồi ức tươi vui và đầy tự hào đến nỗi mỗi khi nhớ lại, trong ông lại trào dâng một nỗi nhớ khôn nguôi : “Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá.” Với ông, ngôi làng của ông vốn đã là một điều gì đó vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ. Nay ở trong căn bếp tản cư chật hẹp, cái làng ấy lại càng đẹp hơn, trở thành một niềm mong ước, khao khát mãnh liệt. Điều đó hoàn toàn không phải phóng đại. Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.

Tình yêu làng của ông Hai được thể hiện nổi bật và đậm nét nhất khi ông nghe tin làng ông theo Tây. Như sét đánh ngang tai, ông từ chối tin vào điều đó. “Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng chừng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ.” Nếu như tin dữ ấy là cái làng đẹp đẽ của ông bị đốt trụi, nhà cửa, ruộng vườn của ông bị cướp mất thì có lẽ ông cũng không đau khổ bằng tin làng mình theo Tây. Tội nghiệp ông lão vui tính, xởi lởi giờ đây phải “cúi gằm mặt đi thẳng”, “nước mắt ông cứ tràn ra”. Giá ông không quá yêu làng, không quá tự hào về làng thì ông đã không thấy tủi nhục đến thế. Mấy chữ “cả làng chúng nó Việt gian theo Tây” như găm vào trái tim ông, vào niềm tự hào về cái làng mà ông yêu vô cùng. Tất cả những gì ông trân trọng giữ gìn trong tim giờ đây như đều sụp đổ tan tành.

Ông không chấp nhận được sự thật ấy và đấu tranh nội tâm dữ dội. Lúc đầu là nghi ngại (“Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được ?”), nhưng sau đó là đau đớn khi được biết những bằng chứng rõ ràng (“Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi”). Phải thừa nhận cái tin đó, không thể nào tả được nỗi đau của ông lúc ấy. “Chao ôi ! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian !” Có lẽ trong đời mình, ông Hai chưa từng chịu đựng hay thậm chí tưởng tượng được một nỗi đau, nỗi nhục như thế. Những tiếng ấy như thoát lên từ trái tim bị tổn thương, từ niềm tự hào bị chà đạp của ông, khiến người đọc cũng như cảm nhận được nỗi xót xa, tủi nhục của ông lúc ấy. Mà ông Hai đâu chỉ đau cho mình, đau cho làng, mà ông còn đau cho những người đồng hương, đồng cảnh ngộ. “Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa ?” Có thể những

con người ấy trước kia có hiềm khích với ông, nhưng trước nỗi đau, nỗi nhục quá lớn này, tình yêu làng trở lên thật mạnh mẽ và đánh thức tình đồng hương trong ông. Kim Lân đã rất tài tình khi sử dụng hàng loạt câu cảm, câu hỏi liên tiếp trong nghệ thuật độc thoại nội tâm để lột tả sự đau khổ, xót xa, uất ức mà ông Hai phải chịu đựng. Lúc này đây, làng không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn nữa, mà là một cái gì đó lớn lao hơn, là lòng tự trọng, là danh dự.

Không chỉ thế, tình yêu làng còn trở thành một nỗi ám ảnh day dứt trong ông, buộc ông phải lựa chọn giữa làng và nước. Nếu lúc trước ông tự hào, ông thao thao bất tuyệt về làng mình bao nhiêu thì bây giờ ông xấu hổ, trốn tránh bất nhiều. Cái tin đồn quái ác kia trở thành một nỗi ám ảnh, một nỗi sợ vô hình luôn đè nặng lên tâm trí ông. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít.

Thôi lại chuyện ấy rồi !” Lẽ thường tình, khi người ta suy nghĩ quá nhiều về một điều gì đó, lúc nào ta cũng có cảm tưởng những người khác cũng như vậy. Thế thì nỗi ám ảnh và lo sợ của ông Hai phải lớn đến chừng nào để ông bị dẫn vật tới vậy ! Lòng yêu làng của ông phải lớn biết chừng nào ! Kim Lân đã diễn tả rất cụ thể và sâu sắc tâm trạng nặng nề ấy, vì bản thân tác giả cũng từng gặp hoàn cảnh tương tự. Ông Hai đã trải qua những giờ phút không thể đau đớn và tủi hổ hơn khi bị chủ nhà nói móc nói máy để đuổi khéo. Người đọc như cảm nhận được từng lời từng chữ của ngụ như xoáy sâu vào tình yêu làng vốn đã quá tổn thương của ông. Dù đã dứt khoát đi theo kháng chiến, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm sâu đậm với làng quê, và vì thế mà ông càng đau xót, tủi hổ hơn.

Bên cạnh tình yêu làng, nhân vật ông Hai còn ghi dấu trong mắt người đọc bằng lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến. Ông luôn theo sát tin tức kháng chiến và tự hào về những chiến công mà nhân dân ta đã lập nên. “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá !” Nhưng đến khi phải lựa chọn giữa làng và nước, tình yêu ấy mới bộc lộ rõ rệt. Dù bị tin đồn làng mình theo Tây dồn vào “tuyệt đường sinh sống”, ông vẫn

nhất quyết không trở về làng. Đến đây, ta mới hiểu rõ về con người hay chuyện tường chừng rất đơn giản, bộc trực kia. Tình yêu làng giờ đây đã trở thành tình yêu có ý thức, hòa nhập và lòng yêu nước. “Về làm gì cái làng ấy nữa. Về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.” Nhớ lại những tháng ngày đen tối bị đàn áp xưa kia, ông đã có quyết định rõ ràng, đúng đắn. Là người nông dân chân lấm tay bùn nhưng ông Hai có nhận thức cách mạng rõ ràng : “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.” Nhận thức rất mới này là một nét đặc biệt trong tính cách của ông Hai, đánh dấu sự thay đổi của người nông dân sau Cách mạng Tháng Tám.

Ông luôn luôn muốn được giải bày nỗi lòng ấy của mình. Tuy nói chuyện với đứa con, nhưng thực chất ông đang mượn lời đứa trẻ để bày tỏ tâm sự. Những gì đứa trẻ nói chính là những gì đang dâng trào trong lòng ông mà không nói ra được. “Ừ, đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.” Ông Hai nói với đứa con như thể nói với anh em đồng chí, để minh oan cho tấm lòng thành thật của mình, để nỗi khổ tâm trong lòng như vơi đi được đôi phần. Lòng yêu nước của ông thật giản dị nhưng vô cùng chân thành, sâu sắc và cảm động. Chính điều ấy đã giúp ông chịu đựng được tin đồn quái ác về làng mình, vì ông có niềm tin vào cách mạng, vào kháng chiến. Từ đây, ông Hai nói riêng hay người nông dân nói chung, đã nhìn rộng hơn, xa hơn lũy tre làng. Không chỉ yêu làng, trong ông còn có một tình yêu lớn gấp nhiều lần – lòng yêu nước.

Đến khi tin làng chợ Dầu theo giặc được cải chính, tình yêu làng, yêu nước của ông Hai mới được vẽ lên hoàn chỉnh. Ông Hai như sống lại. “Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên.” Một lần nữa, tình yêu làng, yêu nước của ông được thể hiện một cách chân thực, cảm động. Nguồn sinh lực ngày nào lại trở về trong ông. Ông Hai lại là ông Hai xưa. Ông lại nói về làng mình, về “Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt hẳn !” Niềm vui sướng của ông được thể hiện thật hồn nhiên, chân thật và rất mãnh liệt. Có lẽ không ai trên đời lại đi khoe, đi mừng việc nhà mình bị đốt như thế. Nhưng với ông Hai, điều đó đâu có là gì so với niềm vui khi thanh danh của làng được rửa. Vì sự mất mát ấy cũng là sự hồi sinh của một làng Chợ Dầu mà ông hằng yêu và xứng đáng với tình yêu ấy : làng Chợ Dầu kháng chiến. Tình yêu làng là cơ sở, là biểu hiện hùng hồn nhất của tình yêu nước trong ông Hai. Quả đúng như nhà

văn I-li-a Ê-ren-bua đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê làm nên lòng yêu tổ quốc.” Nếu so với lão Hạc của Nam Cao hay chị Dậu của Ngô Tất Tố trước Cách mạng tháng Tám – những người nông dân cả cuộc đời đầu tắt mặt tối trong ruộng vườn thì nhân vật ông Hai đã có nhận thức rõ ràng về cách mạng, về kháng chiến. Ông đã nhận ra rằng: Đất nước còn thì làng còn, đất nước mất thì làng cũng mất. Đây không chỉ là sự thay đổi trong suy nghĩ người nông dân, mà còn là suy nghĩ của mỗi người dân Việt Nam thời điểm đó. Họ sẵn sàng hy sinh những cái riêng, những cái nhỏ vì sự nghiệp chung, vì cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Họ không hề quên đi cội nguồn của mình mà gìn giữ nơi ấy ở trong tim, biến thành động lực chiến đấu để giải phóng đất nước, giải phóng quê hương.

Truyện ngắn “Làng” đã xây dựng thành công nhân vật ông Hai, đặc biệt qua tình huống làng Chợ Dầu bị đồn là theo Tây. Nguyễn Minh Châu từng nói : “Tình huống là một loại sự kiện đặc biệt của đời sống, được sáng tạo ra theo hướng lạ hóa. Tại đó, vẻ đẹp nhân vật hiện ra sắc nét, ý nghĩa tư tưởng phát lộ toàn diện.” Kim Lân đã sáng tạo được một tình huống truyện có tính căng thẳng để thử thách nhân vật. Nó đã cho ta thấy chiều sâu của nhân vật ông Hai, những nét tính cách, những chuyển biến trong nhận thức và tính cảm của ông, và hơn hết là tình yêu làng, yêu nước tha thiết. Nhà văn cũng vô cùng thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, khi thì miêu tả cử chỉ hành động, khi thì độc thoại nội tâm, độc thoại, đối thoại để lột tả tính cách nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện rất linh hoạt, tự nhiên, lúc dềnh dàng, lúc đột ngột tùy theo diễn biến. Bên cạnh đó, tác giả vốn am hiểu cuộc sống nông thôn nên ngôn ngữ của ông Hai là khẩu ngữ, rất bình dị và gần gũi, đậm chất nông dân. Với nhân vật ông Hai, Kim Lân quả thực rất xứng đáng là một cây bút “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”.

Nguyễn Đình Thi từng viết rằng: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh.” Truyện ngắn “Làng” đã được viết nên từ những điều nhà văn từng trải nghiệm, khắc họa một cách chân thực nhất những tháng ngày di tản cư của nhân dân miền Bắc trong

buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, cũng như những chuyển biến trong nhận thức và tình cảm của họ.. Thông qua nghệ thuật xây dựng tình huống truyện và miêu tả tâm lí, ngôn ngữ nhân vật, Kim Lân đã mang đến cho bạn đọc nhân vật ông Hai với tình yêu làng quê và lòng yêu nước sâu đậm, thiết tha.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 5

Trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, nhiều thành phố, làng mạc gần thủ đô hoặc các địa phương trọng yếu tản đi các nơi khác. Giữa bối cảnh ấy, truyện ngắn “Làng” của Kim Lân ra đời và được xem như một truyện ngắn hay. Nhân vật chính trong truyện, ông Hai là người yêu mến, gắn bó với làng quê mình. Theo dõi từ đầu đến cuối truyện ngắn, nhân vật ông Hai để lại trong lòng người đọc một cảm tình sâu đậm, khó quên.

Khép sách lại rồi, ấn tượng rõ nhất về ông Hai là một người yêu mến làng quê bằng tình yêu say đắm. Tình yêu ấy ở ông như một ngọn lửa hừng hực không nguôi.

Đối với ông, cái gì ở làng ông cũng đáng tự hào. Trong câu chuyện phiếm với bạn bè, bao giờ cũng vậy, cuối cùng, khi câu chuyện tin tức hàng ngày đã nhạt rồi, ông xoay đến chuyện cái làng của ông. Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường – “Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động”. Khoe làng ông có một cái phòng Thông tin sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre. Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh.

Đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi bùn không dính đến gót chân, ngày mùa phơi thóc, phơi rơm thì tốt thượng hạng,.. Những điều ông khoe khoang, tuy phần nào có hơi quá nhưng vẫn là chính đáng vì nó xuất phát từ tình yêu mãnh liệt của ông đối với quê hương.

Nhưng cũng có lúc tình yêu ấy khiến ông mù quáng đến nỗi ông tự hào cả những chuyện rất khôi hài. Đó là chuyện ông hãnh diện cho làng có được cái sinh phần của viên Tổng đốc làng ông. Mỗi lần khách bên họ ngoại ở dưới tỉnh Nam lên chơi, thế nào cũng dắt ra xem làng cho kì được. Ông thấy làng ấy một phần như có ông. Mãi

đến sau Cách Mạng Tháng Tám, ông mới nhận ra chỗ sai lầm của mình, vì chính cái đình cơ ấy đã gây ra bao đau khổ cho dân làng. Có người ốm, có người chết, có người làm mấy tháng trời không được một đồng công nào. Phần ông, ông bị một chồng gạch đổ vào làm bại một bên hông. Cái chân ấy bây giờ vẫn còn đi khập khiễng cũng vì cái làng ấy.

Khi cuộc kháng chiến bùng nổ, ông Hai cùng vợ con phải tản cư đến một làng khác. Biết bao buồn bực trong lòng ông. Vốn là người hay làm, ở quê ông làm suốt ngày. Từ ngày tản cư lên đây, suốt ngày nhong nhong ngồi ăn, tối đến lại ngồi nghe vợ con tính toán tiền nong, ruột gan ông lại nóng lên như lửa đốt. Ông phải đi chơi cho khuây khỏa. Ngày ngày, ông sang nhà bác Thứ một phần để biết tin tức, nhưng chủ yếu là được nói chuyện về làng ông.

Ông khoe những ngày khởi nghĩa rộn rập ở làng, những buổi tập quân sự, có đào hố, đắp ụ, đào giao thông hào chiến đấu... Cứ như vậy, suốt cả buổi tối ông Hai nói liên miên đủ thứ chuyện, không cần bác Thứ có quan tâm đến không – “Thực ra, ông chỉ nói cho sướng miệng và đỡ nhớ cái làng của ông thôi”. Đó chính là tấm lòng chân thật gắn bó của ông với làng, cũng là niềm tự hào chân chính của ông về làng.

Những ngày đầu kháng chiến, ông tự hào về làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn vì làng đã tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ở nơi tản cư, chính những tin tức về kháng chiến đã làm cho ông khuây khỏa nỗi nhớ làng. Nghe anh dân tộc đọc báo trong phòng Thông tin, ông lấy làm khâm phục những con người anh hùng trong kháng chiến: một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong dũng cảm cắm quốc kì lên tháp Rùa, một anh trung đội trưởng khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Ông tấm tắc: “ Khiếp thật, tính những người tài giỏi cả ”. Ông hả hê trước thất bại của địch: chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian, chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe đíp,.. “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá”. Tấm lòng ông đối với quê hương đơn giản như thế đó!

Nhưng đau khổ thay cho ông Hai khi nghe những người mới tản cư lên sau cho biết làng Dầu của ông theo Việt gian. “Cổ ông lão nghẹn đắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được”. Bao nhiêu điều tự hào bấy lâu nay

bỗng sụp đổ tan tành, Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên Việt gian theo giặc. “Ông cúi gằm mặt xuống mà đi”. Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, không buồn ăn uống, làm việc gì cả.

Nhìn lũ con, nghĩ đến sự rẻ rúng, hắt hủi con người ta đối với dân làng Việt gian, nước mắt ông cứ tràn ra. Rồi ông lo cho mục chủ nhà biết được không cho gia đình ông ở nhờ. Có đến ba bốn hôm liền, “ông Hai không bước chân ra ngoài, cả đến lên bác Thứ ông cũng không dám sang”. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang bàn đến “cái chuyện ấy”. Chỉ những người yêu mến gắn bó tha thiết với làng quê mới có nỗi khổ nhục ray rứt như thế.

Hơn lúc nào hết, trong lòng ông canh cánh băn khoăn: trở về làng ở lại tản cư? Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “vừa chớm nghĩ vậy, lập tức lão phản đối ngay” ... “Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ cụ Hồ “. Thật là cảm động khi ta bắt gặp suy nghĩ của ông: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Lắng nghe tâm sự giữa ông và thằng con út, chúng ta cảm thấy xót lòng khi “Nước mắt ông chảy ra, chảy ròng ròng trên hai má” vì câu nói của thằng bé: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm”. Sự việc đó cũng đồng nghĩa với tình yêu đất nước mà ông hằng ấp ủ trong lòng dù làng Dầu có theo giặc.

Nhưng rồi cũng có ngày sự thật sẽ phơi bày. Cái điều ông Hai mong mỏi cũng đã đến: làng Dầu không bao giờ là làng Việt gian. Chỉ mới nghe người làng đến chơi thì thăm to nhỏ, ông Hai đã đóng khăn gói chỉnh tề tất cả đi theo hân. “Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà”. Đến xẩm tối ông trở về, mặt mày rạng rỡ hẳn lên, vừa đến đầu ngõ, ông lão đã lên tiếng gọi con trẻ ông chia quà, rồi “ông lão lật đặt đi thẳng sang gian bác Thứ” để cải chính cái tin làng Dầu là làng Việt gian. Niềm vui sướng trong lòng ông tràn trề cả ra bên ngoài.

Ông chia quà cho lũ con như chia sẻ những niềm vui cho chúng. Báo tin nhà mình bị Tây đốt một cách vui mừng như một bằng chứng hùng hồn rằng ông không phải là Việt gian. Ông lật đặt đi hết nơi này đến nơi khác, “cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”. Niềm vui sướng trong lòng ông thật là vô bờ bến, thốt thành lời: “Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính ...”. Tối hôm ấy, ông Hai sang

bên nhà bác Thứ, lại ngồi chiếc chõng tre mà nói chuyện về cái làng của ông đến tận khuya.

Đổi theo câu chuyện, chúng ta hiểu ông Hai từ một người âu yếm làng quê mình một cách quá đáng, ông đã gắn liền tình cảm đó với tình yêu đất nước. Chính vì vậy mà làng Dầu của ông có như thế nào đi nữa, ông vẫn một lòng, một dạ ủng hộ cách mạng, ủng hộ cụ Hồ. Hành động đó là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước chân thành của người nông dân. Đó chính là thước đo của tấm lòng con người đối với quê hương đất nước mình. Tình cảm đó rất cao đẹp và rất đáng được trân trọng hơn tất cả các phẩm chất của con người.

Mỗi người đều có quê hương của mình và mỗi người đều có một tình yêu quê hương tha thiết. Ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân cũng yêu quê hương đến cháy dạ, cháy lòng. Đọc qua tác phẩm này, lòng em bỗng xôn xao một niềm vui vì câu chuyện đã khơi dậy trong em tình yêu quê hương đất nước. Từ đây em càng yêu làng xóm, quê hương của mình hơn. Những hình ảnh đói nghèo của bà con trong xóm, cũng như trước khó khăn chung của nhân dân, em thấy mình cần phải cố gắng học tập thật nhiều hơn nữa để góp phần xây dựng quê hương đất nước mình thêm đẹp, thêm giàu.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 6

Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và có sáng tác đăng báo trước cách mạng tháng 8/1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. Truyện ngắn “Làng” được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông Hai, nhân vật chính của truyện rất yêu mến và gắn bó với làng quê của mình. Đặc điểm trên đã thể hiện rõ qua các trạng thái tình cảm khác nhau của ông với làng.

Ông Hai, thật vậy, đã yêu cái làng chợ Dầu của mình bằng một tình yêu đặc biệt. Đây là nơi tổ tiên, cha mẹ ông đã từng sinh trưởng và cũng là nơi chôn rau cắt rốn của ông. Do vậy, ông yêu làng này bằng một tình yêu vốn có từ lâu, sâu sắc và bền vững như tình yêu của một nông dân gắn bó với quê hương, nói cụ thể hơn là gắn

bó với cảnh vật và con người của mảnh đất quê hương ấy. Bởi thế, mỗi lần nói đến làng chợ Dầu ấy, ông đều nói với giọng say mê, náo nức lạ thường. “Hai con mắt sáng hẳn lên. Cái mặt biến chuyển hoạt động”... Ông yêu tất cả những cảnh vật ở làng ông, nên mạnh dạn tự hào: “Nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh”, đường trong làng “toàn lát đá xanh, trời mưa đi, bùn không dính đến gót chân”, “phơi thóc rơm thì tốt thượng hạng”. Đôi khi ông cường điệu, ông tự hào mãnh liệt đến cả cái sinh phần của cụ Thượng “vườn hoa cây cảnh nom như động ấy”.

Mãi đến sau cách mạng tháng Tám, ông mới nhận ra chính cái dinh cơ của quan Tổng đốc ấy đã đem lại bao nỗi khổ ải cho dân làng. Có người bệnh, có người chết, bao nhiêu người làm việc không công. Riêng phần ông đã bị một đồng gạch đổ vào bại một bên hông. Cả cái chân ông sau này khập khiễng, đi đứng không ngay ngắn được cũng là do cái lạng tai ác ấy. Dưới mắt ông, cái gì của làng chợ Dầu cũng lớn, cũng đẹp hơn hẳn những thứ của thiên hạ. Từ cái phòng thông tin triển lãm “sáng sủa và rộng rãi nhất vùng”, đến cái chòi phát thanh trong làng, cả đến cây lúa ngoài đồng... Cái gì của làng cũng làm ông say mê, hãnh diện, tự hào.

Lúc cuộc kháng chiến của cả dân tộc bùng lên, lòng yêu mến làng quê của ông Hai đã có những chuyển biến rõ rệt. Nếu trước kia, ông hãnh diện vì làng chợ Dầu giàu có, tươi đẹp, cái sinh phần của cụ Thượng tốt tươi, mới lạ, thì sau cách mạng tháng Tám, nhờ giác ngộ chính trị, ông lại tự hào về không khí cách mạng sôi nổi ở làng ông. Từ những buổi tập quân sự, những hố, những ụ, những giao thông hào chiến đấu, ông đã bộc lộ niềm sung sướng của mình trước những sự thay đổi đó. Sự xuất hiện của những phòng thông tin, chòi phát thanh, đúng là cuộc đời, số phận ông thực sự gắn liền với những thăng trầm của làng Dầu yêu dấu của ông. Đối với ông Hai khi ấy, tình yêu làng mạc và tình yêu đất nước đã chan hòa làm một trong tình cảm và nhận thức của ông.

Những ngày đầu kháng chiến, ông luôn luôn tự hào về việc làng Dầu của mình đã tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ngay bản thân ông cũng đã nhiệt tình cùng với mọi người đi đào đường, đắp ụ để cản giặc và ông tha thiết muốn ở lại làng để trực tiếp chiến đấu. Nhưng sau đó ông Hai phải theo vợ con tản cư đến một

làng khác. Nổi nhớ làng không nguôi, ở nơi tản cư, ông đã tin tức về kháng chiến. Không đọc được báo, ông đã tìm hỏi tin cho bằng được. Trước tin một em bé ở ban tuyên truyền xung phong dũng cảm cầm cờ lên Tháp Rùa; một anh trung đội trưởng giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng quả lựu đạn cuối cùng, ông Hai cứ tấm tắc khen: “Khiếp thật! Tinh là những người giỏi cả”. Ngoài việc khâm phục những người anh hùng trong kháng chiến, ông Hai còn hả hê trước thất bại của địch: Chỗ này giết được tên Pháp với hai tên việt gian, chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe díp “ruột gan của lão cứ múa cả lên, vui quá”.

Nhưng không có gì đau đớn, tủi nhục cho ông Hai bằng khi nghe một người đàn bà tản cư từ dưới xuôi lên nói: “Cả làng chúng nó (làng Dầu) việt gian theo Tây”, “Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông à!”, “cổ ông Hai cứ nghẹn lại, da mặt tê rân rân”. “Ông lặng đi tưởng như không bao giờ thở được”. Niềm tự hào bao lâu bỗng chốc tan tành, sụp đổ. Giá không yêu nơi sinh trưởng của mình, ông đâu cảm thấy đau đớn và nhục nhã đến thế. Ông vờ đứng lảng ra chỗ khác rồi đi thẳng, “cúi gằm mặt xuống mà đi”. Về đến nhà, “ông nằm vật ra giường”, nước mắt ông cứ tràn ra. Khi nhìn đàn con, chưa bao giờ ông đau đớn đến thế, nghĩ rằng: “Chúng nó là trẻ con làng việt gian đấy ư?”

Ông Hai căm ghét bọn phản bội làng, phản bội Tổ quốc. Nỗi đau đớn và nhục nhã và lo sợ của ông lên tới cao độ khi nghe tin nhân dân địa phương có người làng Dầu tản cư đến là họ tẩy chay dân làng ông, “đến đâu có người chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi”, ngay mục chủ nhà cũng đã đuổi khéo vợ chồng, con cái ông ra khỏi nhà. Trước tình cảnh ấy, ông Hai bế tắc nhưng nhất định không chịu trở về làng: “Về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”. Cũng không thể đi đâu, ở đâu, người ta cũng đuổi người làng chợ Dầu của ông.

Từ đau đớn nhục nhã như thế, ông Hai lại biết bao vui sướng khi nhận được tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt. Nghĩa là làng Dầu của ông không hề theo giặc. “Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ, đốt nhẵn rồi”. Ông Hai cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy cho mọi người. “Vui mừng vì nhà mình bị đốt!” một niềm vui thể hiện một cách đau xót và đầy xúc động thể hiện tinh thần yêu nước, yêu cách mạng của người

nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nỗi vui mừng của ông Hai ở đây thật vô bờ bến. Ông hào phóng mua quà cho các con, ông muốn san sẻ niềm vui sướng ấy cho mọi người trong đó có cả mụ chủ nhà từng gieo cho ông nhiều nỗi bực dọc, căm tức.

Từ một người yêu mến đắm say làng mạc của mình, ông Hai đã gắn tình yêu ấy với tình yêu đất nước, chính vì thế mà làng Dầu của ông có như thế nào đi nữa, ông vẫn một lòng, một dạ ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Cụ Hồ.

Thật đúng như nhà văn I-li-a Ê-ran-bua nói: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”. Quả thật, ông Hai là hình ảnh đẹp của những người nông dân bình thường nhưng giàu lòng yêu nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây (1946-1954). Nhà văn Kim Lân đã có những thành công trong việc xây dựng hình tượng người nông dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp với những tình cảm chân thực và thấm đượm tình yêu quê hương, đất nước.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 7

Khắc họa hình ảnh những người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhà văn Kim Lân đã thể hiện thật rõ nét hình tượng đó qua nhân vật ông Hai qua tác phẩm Làng. Truyện ngắn để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc về một nông dân chất phát, yêu mến và gắn bó với quê hương bằng một tình yêu tha thiết.

Tác phẩm ra đời từ năm 1948, bối cảnh là cuộc tản cư kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông Hai trong tác phẩm là một người nông dân người làng chợ Dầu, cùng gia đình đi tản cư để phục vụ kháng chiến như thế. Mặc dù phải rời xa quê hương nhưng ông luôn trăn trở, nhớ nhung về cái làng của mình với bao sự lưu luyến

Tình yêu của ông đối với cái làng Chợ Dầu được thể hiện bằng việc ông hay say mê kể về cái Làng của mình. Trước cuộc kháng chiến ông khoe về cái dinh phần của viên quản đốc làng ông: “Chết! Chết!, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ của cụ thượng làng tôi”. Mặc dù, ông chẳng có họ hàng thân thích gì với nhà viên quản đốc nhưng ông vẫn gọi là “cụ” một cách rất hả hê. Nhưng khi kháng

chiến chống Pháp bùng nổ, làng ông được giải phóng, người ta không thấy ông nhắc tới cái lãng đó nữa.

Bởi trong ông đã sự thay đổi về nhận thức, ông nhận thức được “cái lãng” đó làm cho cả làng ông khổ, chẳng thế mà “Xây cái lãng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó...”, cũng vì nó mà chân ông bị tật. Từ niềm tự hào, niềm hãnh diện, bây giờ ông thù nó, bởi nó là kẻ thù của cả làng, nó làm cho biết bao người phải bỏ mạng..... Bây giờ, ông khoe làng ông được giải phóng, ông được tham gia vào kháng chiến “từ thời còn trong bóng tối”, những nhà ngói san sát, đường lát toàn đá xanh.....

Ở nơi tản cư, điều khiến ông sung sướng nhất là được khoe về cái làng của mình, dường như đối với ông trong cuộc sống chẳng còn điều gì thú vị nữa, ông chẳng bận tâm tới bất kỳ điều gì khác ngoài những tin tức về cái làng của mình “ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày được làm việc cùng với anh em, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra..”. Trong lòng ông lão lại náo nức cả lên. Lúc này, niềm vui nhất của ông là được nghe những tin tức về cái Làng của mình. Hình ảnh ông Hai hiện lên thật đáng yêu, ông ghét những người biết chữ, ra về ta đây, đọc báo mà chỉ đọc có một mình, không đọc to lên cho tất cả mọi người cùng nghe.

Tác giả tạo ra tình huống tản cư, hình ảnh ông Hai hiện lên mang đầy đủ với những phẩm chất quý báu của những người nông dân Việt Nam hiền lành, chịu thương chịu khó. Đối với ông, đi tản cư ầu cũng là kháng chiến, ở nơi tản cư ông làm tất cả mọi việc, từ cuộc đất trồng rau, chăm sóc bọn trẻ con..... Hình ảnh ông vừa là hình ảnh đậm chất nông dân với “Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sỹ”. Nỗi nhớ về quê hương của ông cứ chổng chát, ông nhớ, ông đem làng ra kể cho cái nhớ ấy vui bớt... ông nghe ngóng nó qua báo đài, qua những người tản cư

Ông Hai đau đớn nghe tin làng mình theo giặc. Cái tin “làng Chợ Dầu theo giặc” mà ông nghe được của một người đàn bà tản cư làm ông lão cảm thấy choáng váng, như tiếng sét giữa trời quang. “Cổ ông lão nghẹn đắng lại, giọng ông lạc hẳn đi, da

mặt tê rân rân. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ...”. Ông cúi gằm mặt xuống mà đi, Ông nghĩ đến sự khinh ghét của bà chủ nhà, của bà con lối xóm “rồi đây ai người ta chứa, ai người ta buôn bán mấy”. Tâm trạng ông lão như vừa mất đi thứ gì thiêng liêng lắm.

Ông luôn tự hào về quê hương mình, luôn khoe làng mình như một ví dụ điển hình cho đấu tranh giải phóng, chống giặc. Vậy mà giờ đây, ông lại phải nghe tin làng mình theo giặc, không giấu nổi sự nhục nhã ông vờ đứng rồi lảng ra chỗ khác, cúi gằm mặt xuống mà đi. Về tới nhà, ông nằm vật ra giường, dường sự bao niềm tin, bao tự hào của ông đều sụp đổ, nước mắt ông giàn ra. Nhà văn Kim Lân diễn tả tâm trạng của ông Hai thật xúc động. “Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu?...”. Đau đớn, tủi hổ, nếu như ông không yêu làng đến thế, không tự hào như thế, thì giờ đây khi nghe tin dữ ông đã không cảm thấy ê chề như vậy. Khổ thân ông lão vốn xởi lởi, vui tính, ban đầu ông nghi ngại, ông tự hỏi lòng mình, trong đầu ông điềm lại những nhân vật trong làng “Mà thằng chánh Bệu đích thực là người làng rồi.

Dường như, ông không thể chấp nhận nổi cái tin đó, ông đấu tranh nội tâm một cách giữ dội nhưng rồi cuối cùng phải chấp nhận nó với những minh chứng rõ ràng. Sự đau đớn đến tột cùng, có lẽ nếu như phải nghe tin làng bị cháy rụi hay bị giặc đốt phá có lẽ ông lão không cảm thấy xót xa như bây giờ. Có lẽ, đối với ông đây là điều tủi hổ nhất “Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian”. Những lời đó như được xuất phát từ trái tim ông, cả đời ông có lẽ chưa bao giờ phải chịu cảnh tủi nhục như thế, nó được cất lên từ một niềm tin hoàn toàn bị sụp đổ, từ một tình yêu tha thiết. Ông không những chỉ đau cho mình, cho gia đình mình, mà còn đau cho tất cả những người cùng quê hương cũng đang lưu lạc trên khắp mọi miền đất nước “lại còn biết bao người làng, đang tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã biết cái cơ sự ngày chưa...’.

Đến khi, cái tin làng Chợ Dầu theo giặc được cải chính, tất cả những nỗi đau, tủi nhục được thay thế bằng niềm sung sướng, hân hoan “Tất cả đều là sai sự mực

đích cả... tất cả đều là sai sự mục đích cả". Ông Hai báo cái tin làng bị giặc phá với niềm sung sướng tột độ, mặc dù nhà ông bị giặc đốt nhưng dường như ông chẳng có chút đau buồn nào "Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ, đốt nhẵn....". Ông hạnh phúc bởi, cái sự mất mát của ông, của quê hương ông cũng chính là minh chứng rõ ràng nhất cho lòng trung thành dành cho cách mạng

Nhà văn Kim Lân đã khắc họa thật rõ nét nhân vật ông Hai, hình ảnh ông cũng là đại diện cho tầng lớp nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 8

Kim Lân là nhà văn rất am hiểu cuộc sống của người nông dân ở nông thôn miền Bắc. Tất cả các truyện của ông đều xoay quanh cảnh ngộ và sinh hoạt của người nông dân. Truyện "Làng" được Kim Lân sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. Nhân vật chính là ông Hai người làng chợ Dầu. Tác giả đã miêu tả khá thành công diễn biến tâm trạng của ông khi nghe tin đồn làng ông theo giặc. Qua đó, tác giả muốn ca ngợi tinh thần yêu nước của ông nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung.

Ông Hai là người rất tự hào về cái làng chợ Dầu của mình. Khi phải di tản cư ông cứ nhắc đi nhắc lại với những người chung quanh cái không khí cách mạng của làng ông: "Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai...". Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn mà nói liên miên về cái làng của ông. Ông nói cho sướng miệng và để cho đỡ nhớ làng chứ không chú ý người khác có nghe không ? Sau những giây phút làm việc mệt nhọc, nằm gác tay lên trán, ông lại nghĩ về làng. Ông cứ muốn về làng, muốn được "cùng mọi người đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...". Vì quá yêu, quá tự hào về cái làng của ông mà ông "nghẹn đắng hẳn lại, da mặt tê rân rân", "chết lặng đi tưởng như không thở được" khi nghe tin cả làng mình theo Việt gian ! Lúc đầu ông không thể tin, ông hỏi đi, hỏi lại "giọng ông như lạc hẳn": "Liệu có thật không hở bác. Khi có người quả quyết vì ra ở dưới ấy lên và nói chắc như đinh đóng cột ở làng ông "Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi"... , thì ông Hai không thể nghe thêm được nữa. Ông đánh trống lảng rồi đi thẳng. Văng vẳng bên tai ông tiếng người đàn bà cho con bú: "Cha mẹ

tiên sư chúng nó ! Đói khổ ăn cắp, ăn trộm bắt được người ta còn thương. Còn giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát !". Những lời nói ấy như những nhát dao chém vào ông, tim ông se thắt lại. Bao nhiêu câu hỏi giằng xé trong ông. Tức quá, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này !"... Rồi ông nghĩ lại "chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được, ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả. Trong ông đang diễn ra sự giằng xé. Nửa tin, nửa ngờ.

Đêm đó, ông Hai không sao ngủ được, "ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thờ dài". Khi mục chủ nhà nói xa nói gần không chứa chấp người làng làm Việt gian, ông lão ngồi lặng đi. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn nối tiếp bời bời trong đầu ông, ông định quay về làng. Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông phản đối ngay: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó Theo Tây cá rồi, về làng tức từ bỏ kháng chiến". Nghĩ vậy nước mắt ông giàn dụa. Nhớ lại thuở xưa - thuở cuộc đời đen tối, làm than, ông "rợn cả người"... Chỉ chừng ấy chi tiết. Kim Lân đã cho người đọc hiểu tình cảm của ông Hai đối với Cách mạng, đối với đất nước như thế nào. Nếu không yêu nước, không tin tưởng vào Cách mạng làm sao ông uất nghẹn, đau khổ đến như thế. Và cũng chính điều đó mà ông đã mừng rơn lên khi biết đích xác những lời kia chỉ là sự đồn đại láo toét. Ông đi tìm bác Thứ để thanh minh: "Chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo ! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả " Ông cứ lặp đi lặp lại câu "láo hết, toàn là sai sự mục đích cả", ông Hai còn múa tay lên mà khoe tin ấy với mọi người... Và tối hôm ấy, ông lại sang bên nhà bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông... Kim Lân đã chọn được một tình huống khá độc đáo. Cách thể hiện lòng yêu nước của nhà văn cũng có nét riêng không giống với bất cứ nhà văn nào cùng thời.

Có thể nói "Làng" là một truyện ngắn khá hay. Thành công lớn nhất về mặt nghệ thuật là khả năng miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Đoạn ông Hai nghe tin đồn làng ông làm Việt gian đã thể hiện tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Kim Lân. Thông qua nhân vật ông Hai, tác giả muốn ca ngợi tình yêu quê hương, tình yêu đất nước,

sự giác ngộ cách mạng của những người nông dân hiền lành, chất phác. Chính tình yêu quê hương đất nước, ý thức giác ngộ cách mạng ấy mà họ một lòng theo Đảng, theo Cách mạng, đứng lên giành quyền sống, giữ vững nền độc lập tự chủ của dân tộc trước mọi gian nan, thử thách.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 9

Kim Lân là một nhà văn có sở trường về mảng đề tài cuộc sống của con người ở nông thôn Việt Nam. Theo Nguyên Hồng thì đó là một nhà văn "1 lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống, con người ở thôn quê. Nhà văn Kim Lân đã viết thành công tác phẩm Làng ở giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám. Tác phẩm đã gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc về những chuyển biến mới trong tình cảm của người dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Đặc biệt là nhân vật ông Hai với tình yêu làng và tình yêu nước sâu sắc.

Làng là một tác phẩm ra đời vào đầu những năm kháng chiến chống Pháp. Chuyện có kết thúc đơn giản, xoay quanh nhân vật ông Hai với những tình cảm của ông về làng Chợ Dầu của mình. Ông Hai đã trở thành một hình tượng tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trước Cách mạng tháng Tám, mỗi khi kể về làng của ông, ông chỉ khoe và tự hào về cái sinh phần ở cuối làng của Viên Thống Đốc làng mình cho dù chính bản thân ông và nhiều người đã phải khổ tâm về cái sinh phần ấy. Nhưng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ông lại có suy nghĩ và nhận thức khác về làng mình. Ông không còn khoe cái sinh phần ấy nữa mà ông lại đi khoe rằng làng mình là một làng kháng chiến, từ cụ già đến trẻ con đều là những người có tinh thần chiến đấu.

Ông Hai rất yêu làng mình nhưng theo lệnh của cụ Hồ, ông phải xa làng đi tản cư ở một nơi khác. Ông buồn lắm và ông đã tự an ủi mình rằng "đi tản cư cũng là đi kháng chiến". Nhưng ông lòng ông luôn day dứt vì nhớ làng và các anh em ở lại làng. Những lúc nhớ làng, "ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá". Hằng ngày, ông thường đến phòng thông tin để nghe tin tức kháng chiến. Ruột gan ông "cứ múa cả lên" vì phấn khởi khi nghe được

tin:" Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kì lên Tháp Rùa". Và tin: "Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng". Chắc hẳn chính tình yêu nước đã làm ông cảm thấy vui khi nghe mấy tin ấy.

Ông buồn khổ, tủi nhục và bàng hoàng khi nghe tin làng Chợ Dầu của ông theo giặc: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được". Mấy ngày liền ông không dám ra đường vì xấu hổ: "Ông Hai nằm vật ra giường"; "nước mắt ông lão cứ dàn ra"; "tâm trạng ông đầy giằng xé"; " bao nhiêu ý nghĩ đen tối ghê rợn nổi tiếp, bời bời trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ?". Có lúc ông đã nghĩ sẽ trở về làng nhưng "về gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo giặc cả rồi". Nhưng ông đã kiên quyết " làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây thì phải thù". Ông chỉ biết tâm sự với đứa con trai bé bỏng của ông để vơi bớt buồn khổ và khẳng định tấm lòng của mình đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ.

Ông càng buồn khổ bao nhiêu, ông càng sung sướng bấy nhiêu khi nghe tin làng ông được cải chính. Ông chạy khắp xóm, gặp ai là khoe rằng giặc Tây đốt nhà của ông. Đó là một minh chứng xác thực cho làng Chợ Dầu của ông không theo giặc: "Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác a. Đốt nhẵn!...Toàn sai sự mục đích cả". Nói xong ông lại đi nơi khác để báo cho nhiều người biết về cái tin ấy. Mọi niềm vui, niềm tin của ông Hai không chỉ bó hẹp trong sự bình yên của bản thân và gia đình mà tất cả mọi người đều cảm thấy được điều đó.

Nhân vật ông Hai là một người nông dân với tất cả sự chân chất, mộc mạc đã bước vào trang sách của Kim Lân, để lại nhiều tình cảm đẹp trong tâm hồn người đọc một sự yêu mến, sự trân trọng và cảm phục. Qua đó, ta thấy được những biểu hiện cụ thể về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Qua tác phẩm Làng, nhà văn Kim Lân đã thành công trong việc đổi mới trong nhận thức và tình cảm của người nông dân Việt Nam trong giai đoạn chống Pháp. Một người nông dân cần cù, chân chất, thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu khuất

thân với giặc. Đó chính là vẻ đẹp của tình yêu nước sâu thẳm của nhân vật ông Hai. Đáng cho chúng ta trân trọng.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 10

Kim Lân, ông đã để lại cho nền văn học Việt Nam những tác phẩm từ trước và Cách mạng tháng tám 1945 kiệt xuất. Ông đã xây dựng nên những người nông dân yêu nước chân thật và giản dị. Trong đó có ông Hai thu. Ông đã khắc họa thành công nhân vật ông Hai để rồi nói lên niềm tâm sự của mình theo tác phẩm "Làng" về cảnh người dân tản cư trong kháng chiến chống Pháp, dù đó là những "đồng chí" rút ruột ra đi từ bỏ nơi chôn rau cắt rốn của mình. Từ đó ông đã hóa thân thành ông Hai một cách thực sự.

Khi nhắc tới người nông dân Việt Nam thì ai cũng có thể liên tưởng đến sự cực khổ tận cùng dưới ách bóc lột của thực dân, song song với đó là lòng yêu sâu sắc, khắc vào tâm trí họ. Thật vậy, ông Hai là một người rất yêu nước, đặc biệt là yêu cái làng. Ông luôn nhớ về cái làng như "con nít nhớ cà rem", "cây kem nhớ tủ lạnh". Nhớ về những lúc cùng thanh niên làm việc "cùng hát hổng, cùng đào, cùng cuốc, mê man suốt ngày". Ông tự nghĩ một mình rồi tự vui một mình, tự "thấy mình trẻ ra", "thấy náo nức hẳn lên".

Tuy đã được tản cư vào khu yên ổn, không bom, không mìn, nhưng ông vẫn canh cánh trong lòng, lo lắng, "không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn khurót lắm". Ông buồn, buồn hẳn đi, có lẽ ông tự trách mình không trẻ được để ở lại chống giặc như các anh các chị thanh niên. Da diết "chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá". Ông lão nhớ cái làng như đứa trẻ thèm khát sữa mẹ, luồng sữa ấm nồng được nuôi dưỡng từ tình yêu thương và dinh dưỡng của người mẹ. Còn ông, cái làng là nơi "chôn rau cắt rốn", là nơi ông sống từ lâu đời bấy lâu nay, là nơi tổ tiên ông định canh định cư bấy nhiêu đời, và cũng là niềm tự hào to lớn của ông.

Niềm tự hào đó không dừng lại trước cái đình to lớn mà đi đâu ông cũng khoe mà cả con người ở đó, rồi cái sinh phần của ông Tổng đốc làng ông với những tảng đá

của ông Hoàng Thạch Công đánh rơi giày tượng đá bằng sứ của "Bát Tiên Quái Hải". Mỗi bận nói đến cái làng Chợ Dầu của ông thì "hai con mắt sáng ra hẳn lên. Cái mặt biến chuyển hoạt động". Giống, có lẽ giống với bản chất người nông dân thời bấy giờ, tình yêu làng chuyển sang và hình thành tình yêu nước mãnh liệt. Kim Lân cũng để nhân vật của mình tiến triển như vậy. Ông Hai háo hức hẳn lên khi nghe tin thắng trận về từ người khác.

Hôm đó, khi nghe anh quân nhân đọc báo về chiến công của cách mạng thì "ruột gan ông cứ nhảy múa lên, vui quá!". Tỉ lệ thuận với tình yêu nước là sự căm thù giặc đến tận xương tủy đến. Và ngược lại nếu như người ta đặt quá nhiều niềm tin vào một thứ gì đó thì khi sụp đổ họ sẽ mất cân bằng, mất niềm tin và đau đớn sẽ tràn ngập. Khi ông càng yêu cái làng, tôn thờ, tự hào, hãnh diện bao nhiêu thì nó lại càng tủi nhục, đau đớn, xé lòng bấy nhiêu khi ông nghe tin " cả làng chúng nó Việt gian theo Tây" từ miệng người đàn bà ẵm con. Ông thực sự sốc, choáng váng "cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng chừng như đến không thở được. Một lúc sau ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ" ông như không muốn tin điều đó là sự thật. Có lẽ ông đã không tin nên cất tiếng hỏi gặng lại "liệu có thật không, hờ bác? Hay là chỉ lại..." hay là chỉ lại nhầm lẫn, hay là chỉ lại chiêu chia gián của địch. Có lẽ ông đã tự phân minh, biện bạch cho bản thân mình.

Ông đã tự tìm ngọn đuốc lẻ loi trong niềm tin của mình khi đã tan vỡ. Nhưng ngọn đuốc duy nhất và nhỏ bé ấy lại bị chính miệng người đàn bà đó dập tắt khi bà khẳng định chắc nịch rằng "thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên mà lại". Bất ngờ hơn nữa là "Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng, chúng nó bảo nhau vác thên ra hoan hô. Thằng Chánh Bệu thì khuôn cả tử chề, đỉnh đồng, vãi vóc lên xe cam-nhông, đưa vợ con lên vị trí với giặc ngoài tỉnh mà lại". Tai hi vọng vụt mất ngay, nó biến mất nhanh quá. Ông Hai bàng hoàng chấp nhận sự thật ấy một cách chua xót....

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 11

"Làng" của nhà văn Kim Lân là một truyện ngắn đặc sắc về chủ đề tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Nhân vật chính của tác phẩm - ông Hai – chẳng những là một người nông dân chất phác, hồn hậu như bao người nông dân khác mà còn là một người có tình yêu làng quê, đất nước thật đặc biệt.

Tác phẩm ra đời năm 1948 lấy bối cảnh là cuộc tản cư kháng chiến của nhân dân ông Hai là người dân làng Chợ Dầu nhưng để phục vụ kháng chiến ông cùng gia đình tản cư đến một nơi khác. Chính tại nơi đây ông luôn trăn trở về cái làng thân yêu của mình với bao tình cảm, suy nghĩ vô cùng cảm động...

Trước hết, ông là một người nông dân chất phác, nồng hậu, chân chất... như bao người nông dân khác. Đến nơi tản cư mới, ông thường đến nhà hàng xóm để cời mở giải bày những suy nghĩ tình cảm của mình về cái làng Chợ Dầu thân yêu, về cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông đi nghe báo, ông đi nghe nói chuyện, ông bàn tán về những sự kiện nổi bật của cuộc kháng chiến... Ông Hai không biết chữ, ông rất ghét những anh nào “ra về ta đây” biết chữ đọc báo mà chỉ đọc thầm không đọc to lên cho người khác còn biết. Ông ít học nhưng lại rất thích nói chữ, đi đình chính tin làng mình theo giặc ông sung sướng nói to với mọi người: “Toàn là sai sự mục đích cả!”.... Tất cả những điều đó không làm ông Hai xấu đi trong mắt người đọc mà chỉ càng khiến ông đáng yêu, đáng mến hơn.

Không chỉ vậy, điều đáng quý nhất ở ông Hai chính là tấm lòng yêu làng tha thiết. Và biểu hiện của tấm lòng ấy cũng thật đặc biệt.

Cái làng đối với người nông dân quan trọng lắm. Nó là ngôi nhà chung cho cộng đồng, họ mạc. Đời này qua đời khác, người nông dân gắn bó với cái làng như máu thịt, ruột rà. Nó là nhà cửa, đất đai, là tổ tiên, là hiện thân cho đất nước đối với họ. Trước Cách mạng tháng Tám, ông Hai thuộc loại "khố rách áo ôm", từng bị "bọn hương lí trong làng truất ngôi trừ ngoại xiêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán. Nên ông thấm thía lắm cái cảnh tha hương cầu thực. Ông yêu cái làng của mình như đứa con yêu mẹ, tự hào về mẹ, tôn thờ mẹ, một tình yêu hồn nhiên như trẻ thơ. Cứ xem cái cách ông Hai náo nức, say mê khoe về làng mình thì sẽ thấy. Trước Cách mạng tháng Tám, ông khoe cái

đình phần của viên tổng đốc làng ông: "Chết! Chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi."

Và mặc dù chẳng họ hàng gì nhưng ông cứ gọi viên tổng đốc là "cụ tôi" một cách rất hả hê! Sau Cách mạng, "người ta không còn thấy ông đã động gì đến cái làng ấy nữa", vì ông nhận thức được nó làm khổ mình, làm khổ mọi người, là kẻ thù của cả làng: "Xây cái làng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. [...] Cái chân ông đi tập tễnh cũng vì cái làng ấy" Bây giờ ông khoe làng ông khởi nghĩa, khoe "ông gia nhập phong trào từ hồi kì còn trong bóng tối", rồi những buổi tập quân sự, khoe những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông,... Cũng vì yêu làng quá như thế mà ông nhất quyết không chịu rời làng đi tản cư. Đến khi buộc phải cùng gia đình đi tản cư ông buồn khổ lắm, sinh ra hay bực bội, "ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lẫm". Ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày làm việc cùng với anh em: sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra.[...] Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên.". Lúc này, niềm vui của ông chỉ là hàng ngày đi nghe tin tức thời sự kháng chiến và khoe về cái làng Chợ Dầu của ông đánh Tây.

Ông lão đang náo nức, "ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!" vì những tin kháng chiến thì biến cố bất ngờ xảy ra. Một người đàn bà tản cư vừa cho con bú vừa ngấm ngấm khi nhắc đến làng Dầu. Cô ta cho biết làng Dầu đã theo giặc chẳng "tinh thần" gì đâu. Ông Hai nhận cái tin ấy như bị sét đánh ngang tai. Càng yêu làng, hãnh diện tự hào về làng bao nhiêu thì bây giờ ông Hai lại càng thấy đau đớn, tủi hổ bấy nhiêu. Nhà văn Kim Lân đã chứng tỏ bút lực dồi dào, khả năng phân tích sắc sảo, tái hiện sinh động trạng thái tình cảm, hành động của con người khi miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai trong biến cố này.

Cái tin làng Chợ Dầu theo giặc đã làm ông điếng người: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ [...] giọng lạc hẳn đi", "ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi" và nghĩ đến sự dè bủ của bà chủ nhà. Ông lão như vừa bị mất một cái gì quý giá, thiêng liêng lắm. Những câu văn diễn tả tâm trạng thật xúc động:

"Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Nỗi nhục nhã, mặc cảm phản bội hành hạ ông lão đến khổ sở: "Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...". Cả nhà ông Hai sống trong bầu không khí ảm đạm: "Gian nhà lặng đi, hiu hắt, ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão.

Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà." ông Hai ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng nơm nớp, bất ổn trong nỗi tủi nhục ê chề. Thậm chí ông không dám nhắc tới, phải gọi tên cái chuyện phản bội là "chuyện ấy". Ông tuyệt giao với tất cả mọi người, "không dám bước chân ra đến ngoài" vì xấu hổ. Và cái chuyện vợ chồng ông lo nhất cũng đã đến. Bà chủ nhà bóng gió đuổi gia đình ông, chỉ vì họ là người của làng theo Tây. Gia đình ông Hai ở vào tình thế căng thẳng. Ông Hai phải đối mặt với tình cảnh khó khăn nhất: "Thật là tuyệt đường sinh sống! [...] đâu đâu có người Chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dẫu vì chính sách của Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu."

Từ chỗ yêu tha thiết cái làng của mình, ông Hai đâm ra thù làng: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ... Và "nước mắt ông giàn ra". Ông lại nghĩ đến cảnh sống nô lệ tăm tối, lầm than trước kia. Bao nỗi niềm của ông không biết giải bày cùng ai đành trút cả vào những lời trò chuyện cùng đứa con thơ dại:

- *Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con của ai?*

- *Là con thầy mấy lị con u.*

- *Thế nhà con ở đâu?*

- *Nhà ta ở làng Chợ Dầu.*

- Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông Lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ủ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Những lời đáp của con trẻ cũng là tâm huyết, gan ruột của ông Hai, một người lấy danh dự của làng quê làm danh dự của chính mình, một người son sắt một lòng với kháng chiến, với Cụ Hồ. Những lời thốt ra từ miệng con trẻ như minh oan cho ông, chân thành và thiêng liêng như lời thề đinh ninh vang lên từ đáy lòng ông:

“Anh em đồng chí biết cho bố con ông

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”

Nhà văn đã nhìn thấy những nét đáng trân trọng bên trong người nông dân chân lấm tay bùn. Nhân vật ông Hai hiện ra chân thực từ cái tính hay khoe làng, thích nói về làng bất kể người nghe có thích hay không; chân thực ở đặc điểm tâm lí vì cộng đồng, vui cái vui của làng, buồn cái buồn của làng và chân thực ở những diễn biến của trạng thái tâm lí hết sức đặc trưng của một người nông dân tủi nhục, đau đớn vì cái tin làng mình phản bội. Nếu như trong biến cố ấy tâm trạng của ông Hai đau đớn, tủi cực bao nhiêu thì khi vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là tin đồn không đúng, làng Chợ

Dầu của ông không hề theo giấc, sự vui sướng càng tăng bừng, hả hê bấy nhiêu. Ông Hai như người vừa được hồi sinh.

Một lần nữa, những thay đổi của trạng thái tâm lí lại được khắc họa sinh động, tài tình: "Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy...". Ông khoe khắp nơi: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ Đốt nhẵn![...] Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.", "Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn.[...] Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!". Đáng lẽ ra ông phải buồn vì cái tin ấy chứ? Nhưng ông đang tràn ngập trong niềm vui vì thoát khỏi cái ách "người làng Việt gian" Cái tin ấy xác nhận làng ông vẫn nhất quyết đứng về phía kháng chiến. Cái tin ấy khiến ông lại được sống như một người yêu nước, lại có thể tiếp tục sự khoe khoang đáng yêu của mình,... Mâu thuẫn mà vẫn hết sức hợp lí, điểm này cũng là sự sắc sảo, độc đáo của ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn Kim Lân.

Người đọc sẽ không thể quên được một ông Hai quá yêu cái làng của mình như thế. Lúc ông nói thành lời hay khi ông nghĩ, người đọc vẫn nhận thấy rất rõ đặc điểm ngôn ngữ của vùng quê Bắc Bộ, của một làng Bắc Bộ: "Nắng này là bỏ mẹ chúng nó", "không đọc thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy", "Thì vườn", "có bao giờ dám đơn sai",... Đặc biệt là nhà văn cố ý thể hiện những từ ngữ dùng sai trong lúc quá hưng phấn của ông Hai. Những từ ngữ "sai sự mục đích cả" là dấu ấn ngôn ngữ của người nông dân ở thời điểm nhận thức đang chuyển biến, muốn nói cái mới nhưng từ ngữ chưa hiểu hết. Sự sinh động, chân thực, thú vị của câu chuyện phần nào cũng nhờ vào đặc điểm ngôn ngữ này. Trong tác phẩm, nhà văn cũng thể hiện rõ sự thông hiểu về lễ thói, phong tục của làng quê. Kim Lân đã vận dụng những hiểu biết đó hết sức khéo léo vào việc xây dựng tâm lí, hành động, ngôn ngữ nhân vật. Cốt truyện đơn giản, sức nặng lại dồn cả vào mạch diễn biến tâm trạng, vào lời thoại của nhân vật nên câu chuyện có sức hấp dẫn riêng, ấn tượng riêng, độc đáo.

Tình yêu làng của ông Hai không đơn giản, hẹp hòi là tình yêu chỉ riêng đối với nơi ông sinh ra và lớn lên. Ê-ren-bua từng tâm đắc: "Tình yêu làng xóm trở nên tình yêu quê hương đất nước". Và bởi thế, tình yêu làng của ông Hai gắn bó chặt chẽ với

tình yêu nước với tinh thần kháng chiến đang lên cao của cả dân tộc. Đó cũng chính là biểu hiện chung của tình yêu đất nước của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Trong số rất nhiều những nhân vật nông dân khác, người đọc khó có thể quên một ông Hai yêu làng quê, yêu đất nước, thủy chung với kháng chiến, với sự nghiệp chung của dân tộc. Một ông Hai thích khoe làng, một ông Hai sốt sắng nghe tin tức chính trị, một ông Hai tủi nhục, đau đớn khi nghe tin làng mình theo giặc, một ông Hai vui mừng như trẻ thơ khi biết tin làng mình không theo giặc,... Ai đó đã một lần thấy nhà văn Kim Lân, nghe ông nói chuyện còn thú vị hơn nữa: hình như ta gặp ông đâu đó trong Làng rồi thì phải.

Ông Hai là một nhân vật độc đáo mang nhiều đặc điểm chung tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp nhưng đồng thời cũng mang những đặc điểm tính cách rất riêng, rất thú vị. Ông đã trở thành linh hồn của Làng và thể hiện trọn vẹn tư tưởng của nhà văn và tác phẩm.

Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 12

Kim Lân nhà văn có tác phẩm đăng báo từ trước cách mạng tháng Tám. Ông sinh ra và lớn lên ở một vùng quê có truyền thống văn hóa lâu đời nên am hiểu rất nhiều về nông thôn Việt Nam và cảnh ngộ của người nông dân. Vì thế, khi viết về đề tài này, Kim Lân thành công hơn cả. Đặc biệt ở truyện ngắn “Làng”, tác giả đã xây dựng được hình tượng ông Hai, một người nông dân cần cù chất phác, giàu tình yêu đối với quê hương đất nước, gắn bó bền chặt với cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Ở phần đầu câu chuyện, ta thấy ông Hai rất yêu làng. Tình yêu thiết tha và nồng ấm của ông thể hiện qua niềm tự hào hãnh diện và cái tính khoe làng cố hữu.

Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra. Cũng như bao nhiêu người nông dân khác, ông Hai luôn tin tưởng vào kháng chiến, vào sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch. Vợ con đi tản cư, nhưng ông Hai vẫn muốn ở lại cùng với đội du kích đào đường đắp ụ để bảo vệ cái làng Dầu thân yêu của mình. Đến khi hoàn cảnh gia đình neo bần, vợ con

thúc bách quá, cực chẳng đã ông mới rời làng đi tản cư. Ra đi mà ông Hai cứ an ủi mình “tản cư âu cũng là kháng chiến”.

Xa làng rồi nhớ làng, tính nết ông Hai có phần thay đổi. Ông ít nói ít cười, đôi khi cáu gắt. Nỗi nhớ làng cứ da diết trong lòng của ông khiến cho ông cảm thấy buồn bực không yên. Ông nhớ từ con đường làng đến mái ngói, nhớ phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng đến cái chòi phát thanh cao bằng ngọn tre, nhớ những ngày khởi nghĩa dồn dập ở làng cho đến những lúc cùng anh em đào hào đắp ụ chiến đấu... Ông Hai cảm thấy lúc ấy mình trẻ trung vô cùng, “cũng hát hồng, bông phèng.” cùng với anh em. Càng nghĩ tưởng, nỗi nhớ càng dâng trào da diết trong lòng ông Hai như những đợt sóng lòng dồn dập. “Chao ôi, ông lão nhớ làng. Nhớ cái làng quá!”.

Niềm khuây khỏa lớn nhất của ông Hai là sang bên gian nhà bác Thứ để nói chuyện và được ra chợ, đến cái phòng thông tin tuyên truyền để nghe tin tức về kháng chiến...

Và rồi một tình huống xảy ra làm cho tình yêu nỗi nhớ làng của ông Hai bị thử thách. Từ đó, người đọc phát hiện ra ngoài tình cảm thiêng liêng mà ông Hai dành cho cái làng chợ Dầu của mình còn có một tình cảm khác thiêng liêng vĩ đại hơn. Đó là tình yêu đất nước thể hiện qua tình cảm đối với kháng chiến, với cụ Hồ...

Ở phòng thông tin tuyên truyền, ông Hai lắng nghe và cảm thấy trân trọng, tự hào trước những tấm gương anh hùng trong cuộc chiến. Ông cảm thấy vui sướng đến nỗi từng khúc ruột trước những thắng lợi dồn dập của quân ta., “ruột gan ông lão cứ múa cả lên. Vui quá!”.

Ngay sau đó, ông nhận được cái tin dữ từ những người đi tản cư – cả làng Dầu đều trở thành Việt gian theo giặc – “Việt gian từ thằng chủ tịch trở đi cơ, ông ạ!”. Cảm giác bất ngờ, hụt hẫng khiến cho ông lão “cổ nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân”, “rặn ề ề” “giọng lạc hẳn”. Ông cúi nhúc cúi gầm mặt xuống mà đi. Để rồi về đến nhà, không chịu đựng nổi, ông “nằm vật ra giường” “nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão tràn ra”.

Những ngày kế tiếp, ông Hai sống trong bi kịch triền miên. Ông sợ hãi trốn tránh như một tội phạm, “một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý bàn tán về “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít.” Nỗi ám ảnh nặng nề, cảm giác đau xót, nhục nhã đã biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai kể từ lúc ông nghe cái tin dữ ấy.

Bi kịch dâng lên đến đỉnh cao. Ông Hai bị đẩy vào trong tình cảnh bế tắc tuyệt vọng khi bà chủ nhà muốn đuổi gia đình ông đi. “Thế là tuyệt đường sinh sống!” Ông đi đâu bây giờ? Khắp nơi, “không chỉ cái đất Thăng này mà cả ở Đài, Nhã Nam, Bồ Hạ, Cao Thượng... ở đâu nghe đến người làng chợ Dầu là người ta đuổi như đuổi hủi”. Còn ai muốn chứa chấp người dân của cái làng Việt gian này nữa chứ?

Trước mắt ông Hai chỉ có hai con đường. Ở lại thì không được rồi. Còn về làng... Vừa chớm nghĩ đến thôi, ta đã thấy ông Hai gạt phắt đi ngay. “Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó làm Việt gian theo Tây cả rồi”. Và ông cũng khẳng định: “về làng là phản bội kháng chiến, phản bội cụ Hồ”. Dù ông Hai luôn ước mong được trở về làng, nhưng lúc này ông lại khẳng định: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

Mâu thuẫn trong nội tâm và tình thế trước mắt làm cho ông Hai bế tắc. Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, ông Hai chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào những lời thủ thỉ tâm sự với đứa con nhỏ ngây thơ:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Lòng trung thành của cha con ông, của hàng triệu nông dân Việt Nam đối với lãnh tụ là vô cùng sâu sắc. Vẻ đẹp ấy rất đáng tự hào ca ngợi.

Đến giây phút này, từ trong bi kịch của ông Hai, ta lại thấy sáng ngời lên một tình cảm cao đẹp khác. Đó là tinh thần yêu nước, gắn bó với kháng chiến, với cụ Hồ. Tình cảm thiêng liêng ấy đã bao trùm lên tình cảm đối với làng quê.

Cho nên, khi nghe tin làng Dầu theo Tây được cải chính, ông Hai là người sung sướng nhất. Ông vui tươi rạng rỡ hẳn lên, *“mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ...”* Ông mua quà cho con, ông chạy đi “khoe” cái tin nhà mình bị đốt, “khoe” cái tin làng Dầu không theo giặc. Nổi mắt mát về nhà cửa dường như tan biến trong niềm hạnh phúc dâng trào – Làng chợ Dầu, ngôi làng mà ông luôn yêu mến tự hào giờ đây vẫn là làng kháng chiến.

Có thể nói, ông Hai là nhân vật điển hình cho lớp nông dân trong kháng chiến. Vốn là những con người chân thực, chất phác, những ngày đầu tiếp xúc với cách mạng, họ vẫn còn bỡ ngỡ. Nhưng rồi cảm giác ấy tan đi nhanh chóng, họ đón nhận cách mạng với tình cảm chân thành, với lòng hăm hở nhiệt tình. Họ háo hức hòa nhịp cùng phong trào kháng chiến, học hăng hái cầm súng bảo vệ quê hương. Cách mạng đã trở thành một phần trong cuộc đời của họ. Lòng trung thành, tình cảm gắn bó bền chặt của người nông dân trong kháng chiến làm cho chúng ta xúc động. Nhà văn Kim Lân đã tinh tế phát hiện những nét đẹp tâm hồn của người nông dân để từ đó khắc họa nên một bức chân dung gần gũi và sống động.

Trong tác phẩm, nhà văn Kim Lân đã xây dựng những tình huống đầy kịch tính đẩy nhân vật vào trong sự bế tắc đến tuyệt vọng, qua đó làm nổi bật tâm hồn tính cách và tình yêu của ông Hai đối với làng quê, đất nước. Ngôn ngữ diễn đạt mộc mạc chân quê càng giúp người đọc hiểu và yêu mến ông Hai nhiều hơn.

Tóm lại qua hình tượng nhân vật ông Hai, chúng ta có thể hiểu hơn về cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, hiểu được nguyên nhân vì sao một đất nước bé nhỏ như Việt Nam lại có thể đánh thắng kẻ thù đầu sỏ như thực dân Pháp. Bài học sâu sắc nhất đối với mỗi người chúng ta khi đọc truyện ngắn này là tình yêu quê hương đất nước, là lòng tự hào và biết ơn những người dân cày Việt Nam chân chất mà cao cả.

